

Bản án số: 28/2026/HNGĐ-ST
Ngày 20-4-2026
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Kiên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Văn Khoe**

Ông **Nguyễn Thanh Sơn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thảo** – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Việt C** – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ số 128/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Hồng N**, sinh ngày: 01/01/1988, số Căn cước công dân: 082188014508

Hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi ở hiện nay: Tổ B, khu phố P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

- Bị đơn: Ông **Lê Minh K**, sinh ngày: 17/5/1988, số Căn cước công dân 077088011372

Hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Thôn C, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lần làm việc và tại phiên tòa, nguyên đơn - Bà Ngô Thị Thùy N1 trình bày:

Bà **Trần Thị Hồng N** và ông **Lê Minh K** có thời gian tìm hiểu và tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 09/09/2013, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung hạnh phúc và có 02 con chung. Tuy nhiên, từ năm 2023, vợ chồng bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ

chồng bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt. Đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà Trần Thị Hồng N đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Lê Minh K.

Về con chung: Bà Trần Thị Hồng N xác định, bà và ông Lê Minh K có 02 con chung là Lê Ngọc Y, sinh ngày 17/11/2013 và Lê Ngọc Á, sinh ngày 31/12/2015. Bà N2 để ông K trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, bà N2 không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Hồng N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, bị đơn – Ông Lê Minh K trình bày:

Ông Lê Minh K xác định ông và bà Trần Thị Hồng N là vợ chồng. Quá trình chung sống có mâu thuẫn, mâu thuẫn không lớn, nhưng từ tháng 7/2025 bà N bỏ nhà đi, hiện tại chỉ có ba bố con. Nay bà N yêu cầu ly hôn thì ông K đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông Lê Minh K xác định ông và bà Trần Thị Hồng N có 02 con chung là Lê Ngọc Y, sinh ngày 17/11/2013 và Lê Ngọc Á, sinh ngày 31/12/2015. Ông K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Minh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập ông Lê Minh K đến Tòa làm việc, tham gia kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, tham gia buổi hòa giải, nhưng ông Lê Minh K vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nguyên đơn và bị đơn tham gia phiên tòa, nhưng nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được công bố tại phiên tòa thì thấy yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Trần Thị Hồng N khởi kiện ông Lê Minh K về việc “Ly hôn”, ông K có nơi cư trú tại xã L, Thành phố Hồ Chí Minh nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Trần Thị Hồng N và ông Lê Minh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Hồng N và ông Lê Minh K.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Trần Thị Hồng N và ông Lê Minh K đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 09/09/2013, trên cơ sở tự nguyện nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian gần đây, bà Trần Thị Hồng N và ông Lê Minh K phát sinh mâu thuẫn là có thật, nguyên nhân mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống và đã không sống chung từ tháng 7/2025 đến nay, điều này được thể hiện qua lời trình bày của bà N, ông K và kết quả xác minh tại địa phương.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho bà N và ông K giải quyết mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình, nhưng không đạt kết quả do ông K vắng mặt, còn bà N cương quyết yêu cầu ly hôn với ông K. Xét yêu cầu của bà N thì thấy: Tòa án đã triệu tập bà N và ông K tham gia phiên tòa để một lần nữa tạo điều kiện cho bà N và ông K có cơ hội gặp nhau để có thể giải quyết mâu thuẫn đoàn tụ gia đình, nhưng bà N và ông K vắng mặt. Bà N2 yêu cầu ly hôn, ông K đồng ý ly hôn nên có thể khẳng định mâu thuẫn giữa bà N2 và ông K đã trầm trọng, khả năng hàn gắn tình cảm, hạnh phúc gia đình là không thể. Do đó, bà Trần Thị Hồng N yêu cầu ly hôn với ông Lê Minh K là có cơ sở nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Hồng N đối với ông Lê Minh K.

[2.2] Về con chung:

Bà Trần Thị Hồng N và ông Lê Minh K có 02 con chung là Lê Ngọc Y, sinh ngày 17/11/2013 và Lê Ngọc Á, sinh ngày 31/12/2015. Ông K yêu cầu được nuôi 02 con chung, bà N cũng đề nghị giao 02 con chung cho ông K nuôi, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của 02 con chung ghi nhận. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Hồng N, giao 02 con chung cho ông Lê Minh K trực tiếp nuôi dưỡng 02. Ông K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Hồng N và ông Lê Minh K không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Thị Hồng N phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 39, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồng N.

- *Về hôn nhân:* Bà Trần Thị Hồng N được ly hôn ông Lê Minh K.

- *Về con chung:* Ông Lê Minh K được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung là Lê Ngọc Y, sinh ngày 17/11/2013 và Lê Ngọc Á, sinh ngày 31/12/2015, bà Trần Thị Hồng N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị Hồng N được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- *Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:* Bà Trần Thị Hồng N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0022736 ngày 00 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà Trần Thị Hồng N đã nộp xong án phí.

4. *Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A, 7B và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 11 – TP.Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 11 – TP.Hồ Chí Minh;
- UBND xã Long Sơn, TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

Nguyễn Văn Kiên